CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

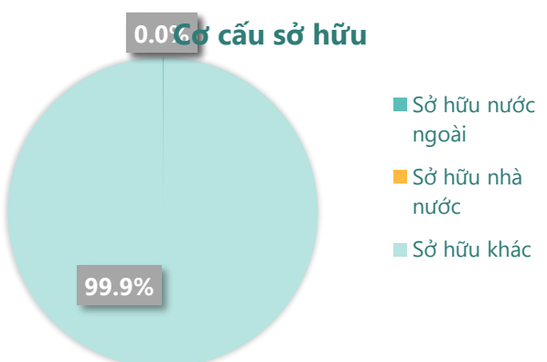
FireAnt

CTCP Thủy điện Nước trong

Ngày 30/09/2024	61,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.6%	**2.6%**	**7.1%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	46,448 - 61,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	663
Số lượng CPLH (CP)	10,802,053
KLGD BQ 20 phiên (CP)	85
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.19)
EPS	4,717
P/E	13.0

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

DT thuần *Q3/24*
19.4 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼7.30| -27.5%
YoY: ▲ 2.30| 13.3%

LN thuần *Q3/24*
7.19 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼6.91| -49.0%
YoY: ▲ 2.58| 56.0%

LN sau thuế *Q3/24*
6.82 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼6.48| -48.7%
YoY: ▲ 2.45| 56.1%

Tỷ suất lãi EBIT *Q3/24*
38.4%
YoY: +/-▼ 15.8%

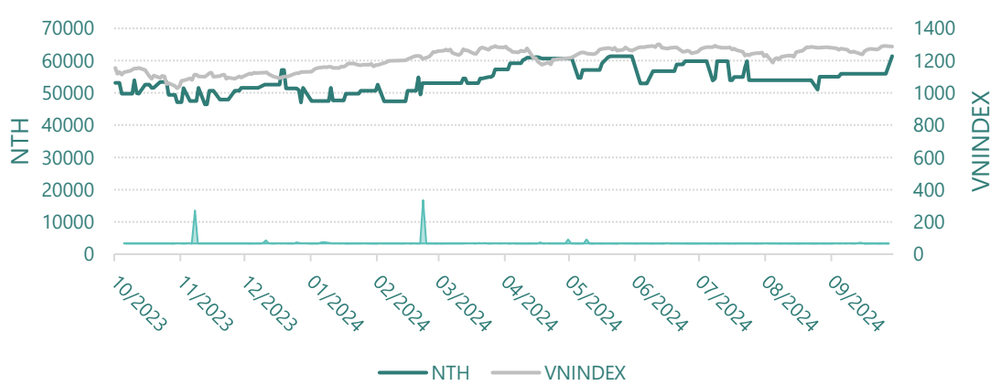
ROE (TTM) *Q3/24*
29.3%
YoY: +/-▲ 2.5%

DT thuần *9T 2024*
74.6 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼7.70| -9.4%

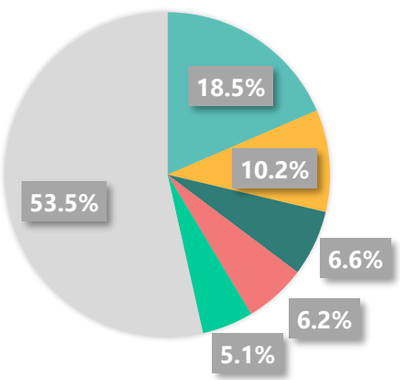
LN thuần *9T 2024*
36.8 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼4.40| -10.7%

LN sau thuế *9T 2024*
34.9 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼4.20| -10.8%

Lịch sử giá



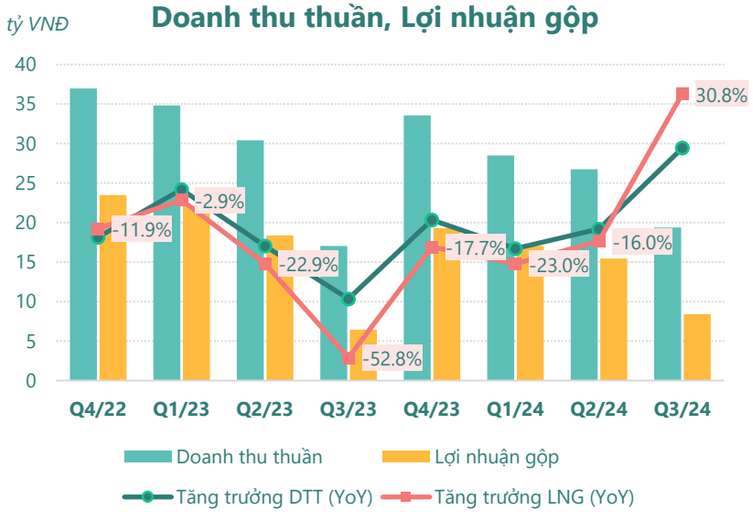
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

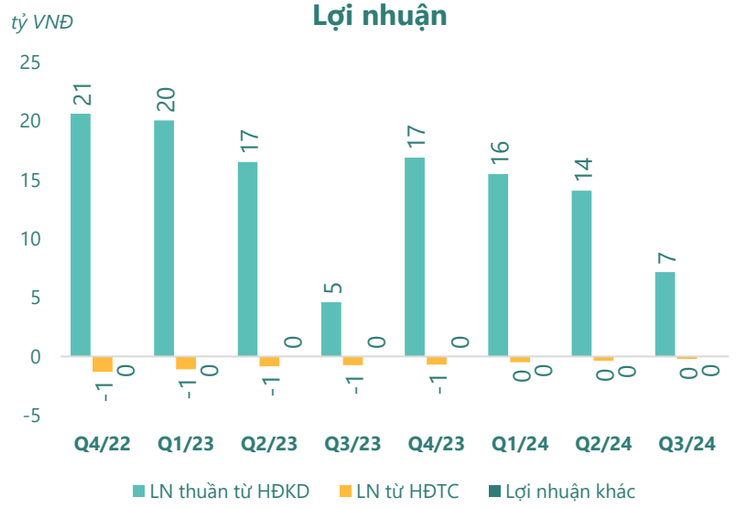
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



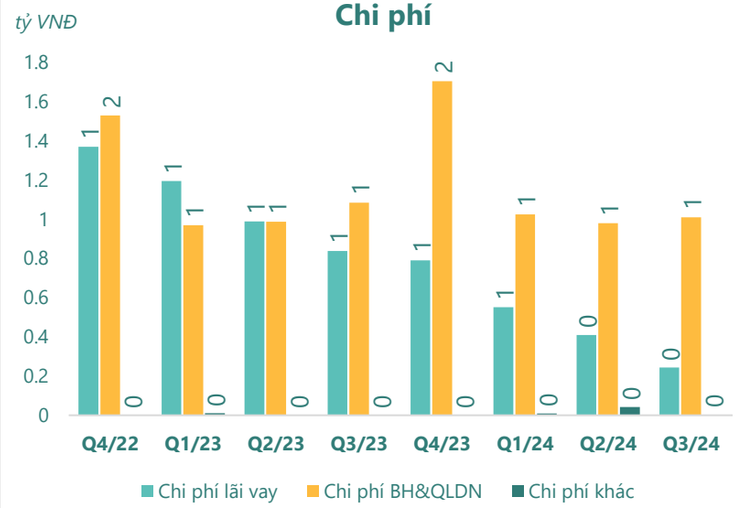
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



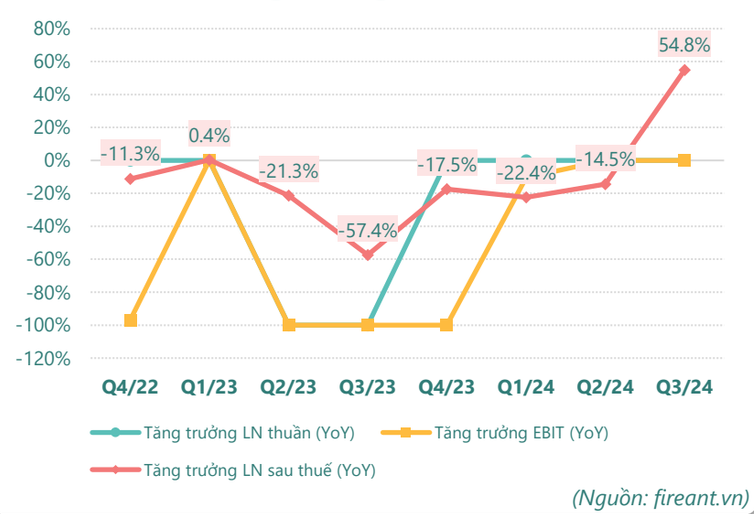
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



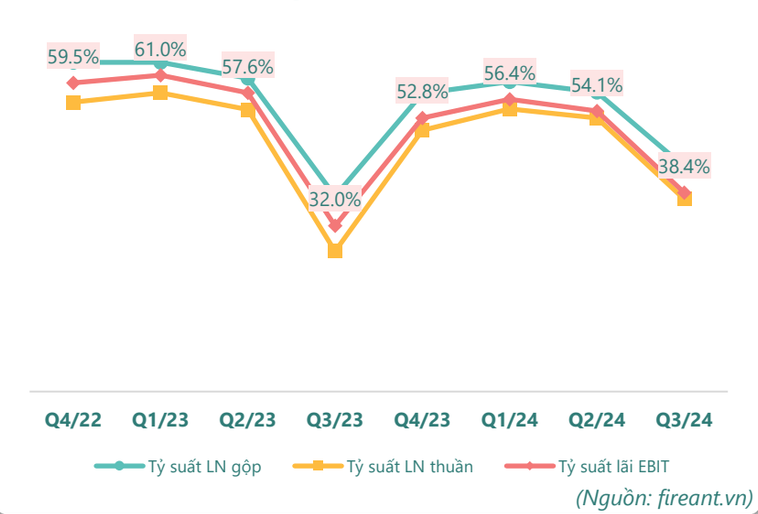
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

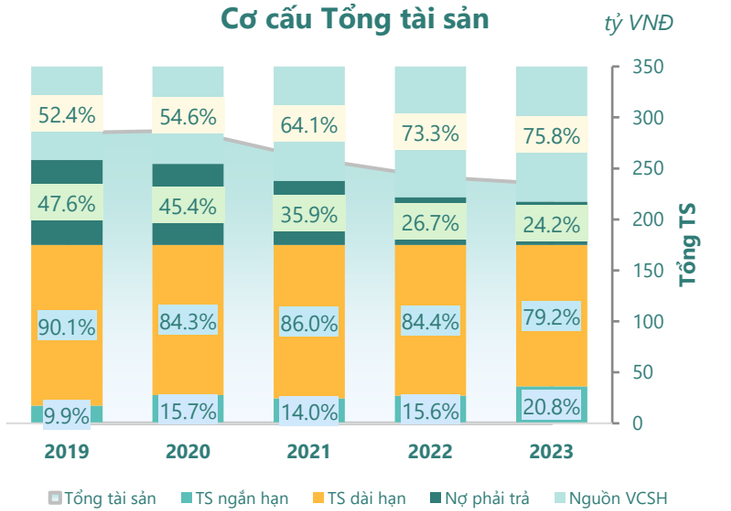
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

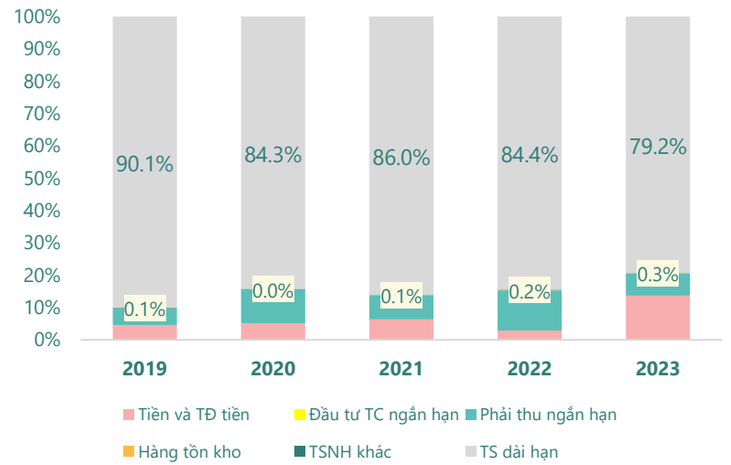
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



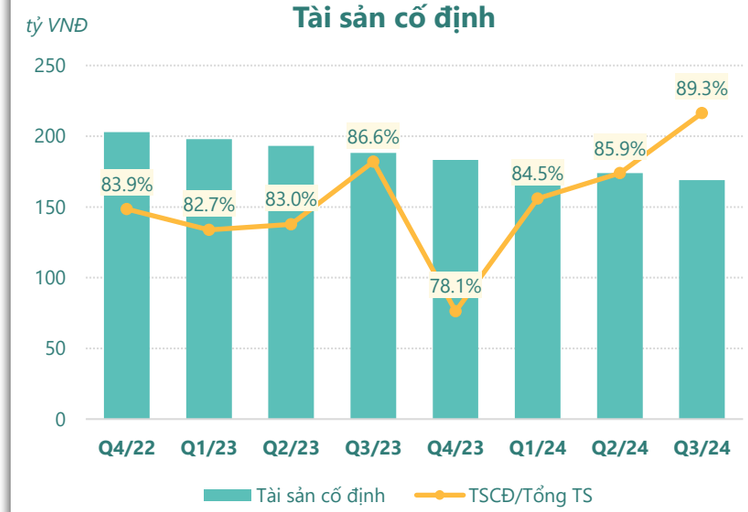
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



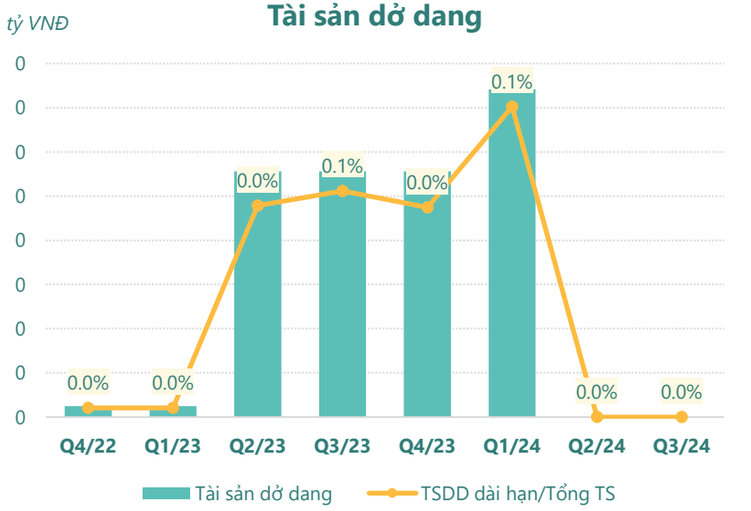
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



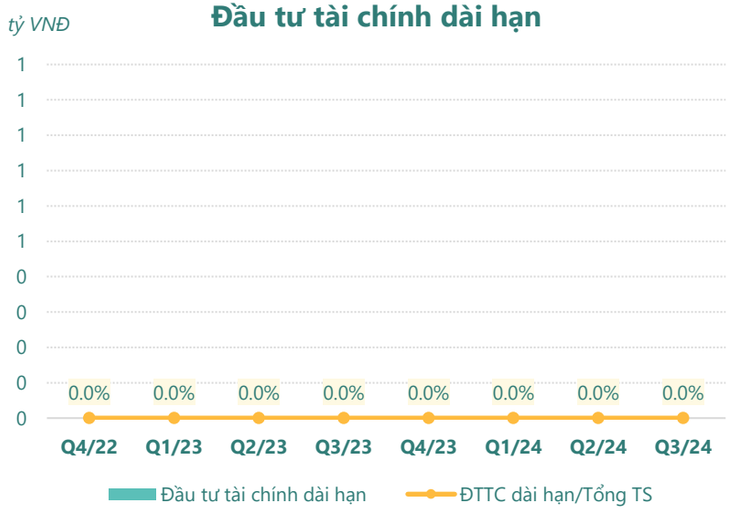
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



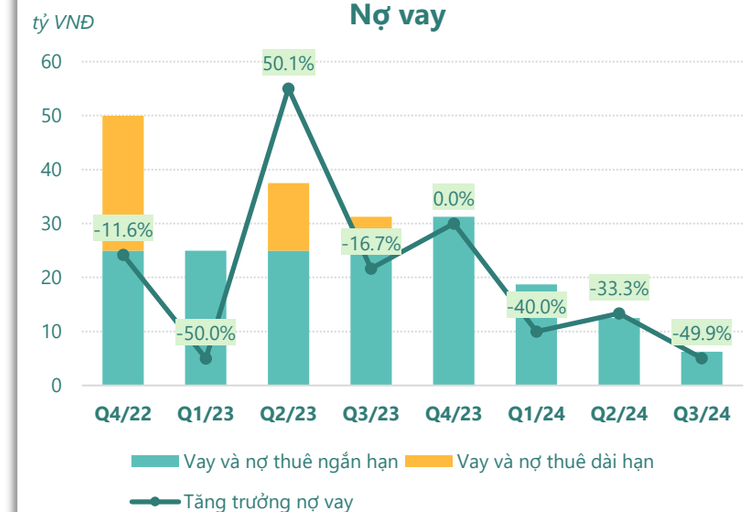
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

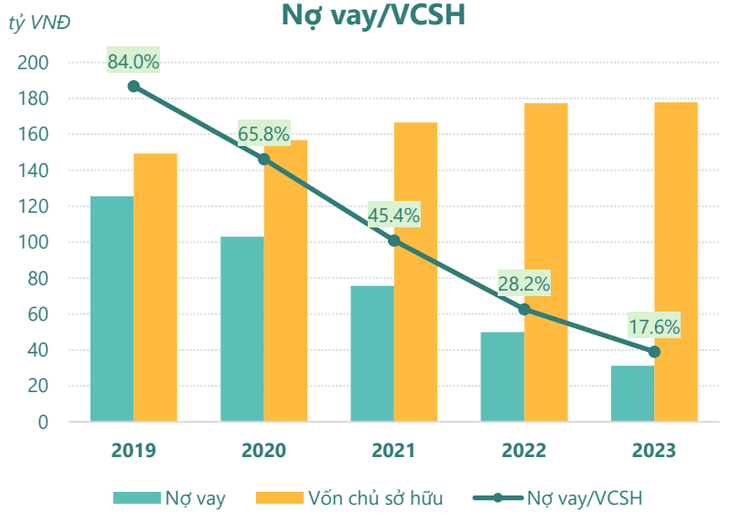
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

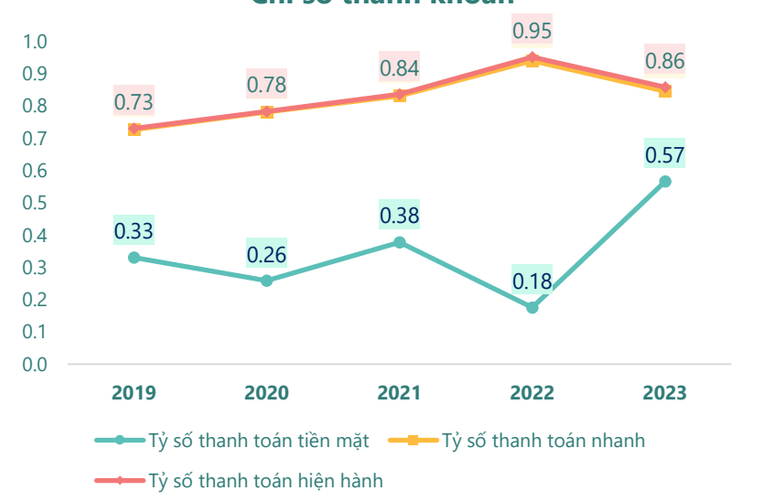
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



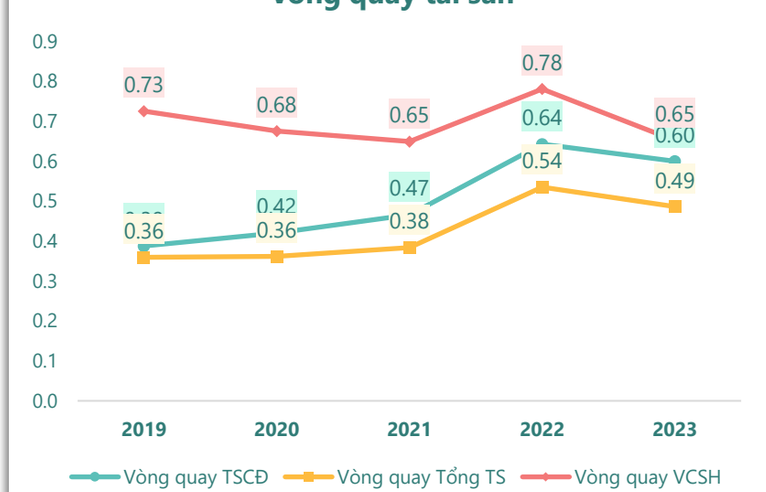
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



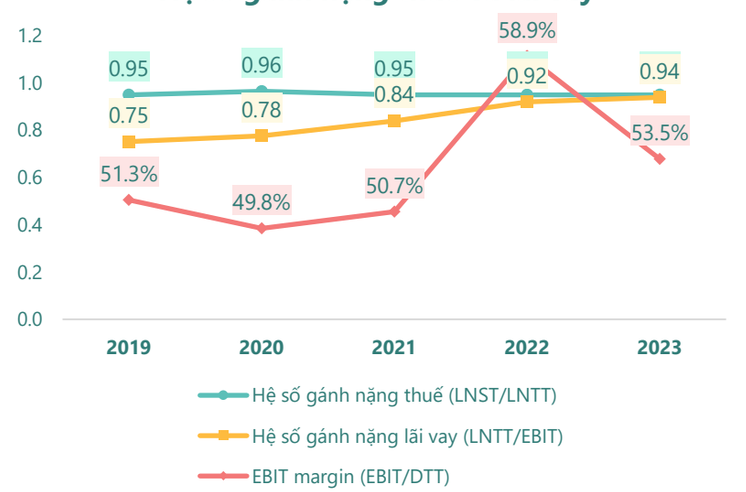
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



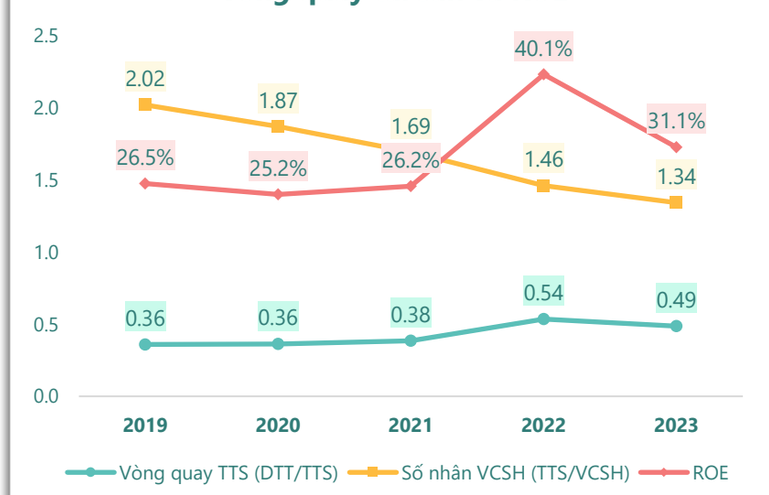
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



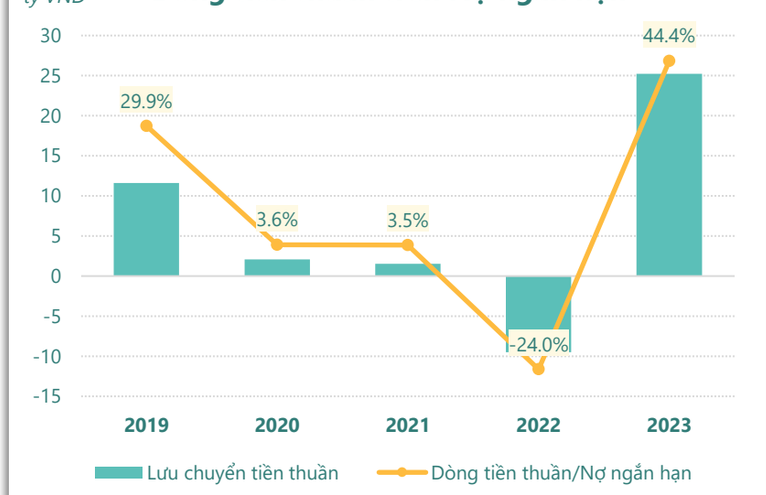
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**19.4**	**17.1**	**13.3%**	**74.6**	**82.3**	**-9.4%**
Giá vốn hàng bán	11.0	10.6	3.4%	33.7	35.4	-4.7%
Lợi nhuận gộp	8.41	6.43	30.8%	40.9	46.9	-12.9%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.11	-68.1%	0.16	0.37	-56.2%
Chi phí TC	0.24	0.84	-71.1%	1.20	3.02	-60.2%
Chi phí lãi vay	0.24	0.84	-71.1%	1.20	3.02	-60.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.01**	**1.08**	**-6.5%**	**3.01**	**3.04**	**-0.9%**
LN thuần từ HĐKD	7.19	4.61	56.0%	36.8	41.2	-10.7%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**-0.05**	**-0.01**	**-429%**
LN trước thuế	7.19	4.61	55.9%	36.8	41.2	-10.8%
Lợi nhuận sau thuế	**6.82**	**4.37**	**56.1%**	**34.9**	**39.1**	**-10.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.82**	**4.37**	**56.1%**	**34.9**	**39.1**	**-10.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.4	19.4	14.9	-5.97	34.3	-0.77
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	0.17	0.11	0.07	-0.23	0.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.9	-15.3	0	-15.0	-41.5	2.60
Tiền đầu kỳ	15.4	12.9	17.1	32.2	11.3	3.83
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.52**	**4.24**	**15.0**	**-20.9**	**-7.46**	**2.16**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.9	17.1	32.2	11.3	3.83	5.99

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**189**	**235**	**-19.4%**
Tài sản ngắn hạn	18.2	48.7	-62.6%
Tiền và tương đương tiền	5.99	32.2	-81.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	11.2	15.8	-29.1%
Hàng tồn kho	0.79	0.72	9.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.04	435%
Tài sản dài hạn	**171**	**186**	**-8.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	169	183	-7.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.11	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.02**	**2.54**	**-20.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.4	56.8	-71.1%
Nợ ngắn hạn	**16.4**	**56.8**	**-71.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.26	31.2	-80.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.33	1.81	-26.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**173**	**178**	**-2.8%**
Vốn chủ sở hữu	**173**	**178**	**-2.8%**
Vốn điều lệ	108	108	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)